

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000338

Trang : 1/3

Môn học: **Trang bị điện năng cao (228257) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **41**

Số bài thi: **41**

Số tờ giấy thi: **41**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Ngô Xuân Chử</i>	<i>Ngô Hồng Hoa</i>	<i>Tôn Thị Túy</i>	<i>Nguyễn Mạnh Trường</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150002	LÊ TUẤN ANH	11/08/2002	CCQ2015A		1	<i>anh</i>	6,0	3,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150001	VÕ ĐỨC ANH	17/08/2002	CCQ2015A		1	<i>anh</i>	6,5	3,5	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150050	NGUYỄN MINH CUNG	14/08/2002	CCQ2015B		1	<i>cung</i>	5,5	2,0	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050036	THÁI XUÂN DÂN	16/12/2002	CCQ2005B		1	<i>phân</i>	8,0	1,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050038	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B		1	<i>Đạt</i>	7,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119150008	TRẦN BÁ ĐẠT	17/08/2001	CCQ1915A		1	<i>Đạt</i>	9,5	6,3	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120150037	VÕ PHƯƠNG ĐÌNH	08/04/2002	CCQ2015B		1	<i>Đình</i>	6,0	0,0	2,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050044	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B		1	<i>Hùng</i>	6,0	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120150011	TẠ HUY HÙNG	15/07/1998	CCQ2015A		1	<i>Hùng</i>	6,0	7,3	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2118050087	TRẦN QUANG HUY	06/06/2000	CCQ1805B				6,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120150051	VÕ THÀNH HUY	05/11/2002	CCQ2015B		1	<i>Thành</i>	6,5	3,3	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120150038	LÊ TRỌNG HỮU	30/11/2002	CCQ2015B		1	<i>Hữu</i>	8,0	6,8	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120150012	LÊ TRƯƠNG NHẬT KHA	01/10/2001	CCQ2015A		1	<i>Kha</i>	6,0	3,8	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120150014	NGUYỄN MINH KHÁNH	03/08/2002	CCQ2015A		1	<i>Khánh</i>	6,0	0,5	2,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2118050030	NGUYỄN BẢO LONG	05/10/2000	CCQ1805A		1	<i>Bảo</i>	8,0	3,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050048	LÊ VĂN LỢI	01/07/2002	CCQ2005B		1	<i>Lợi</i>	7,0	7,3	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120150017	TRẦN CÔNG MẠNH	06/05/2002	CCQ2015A		1	<i>Mạnh</i>	6,0	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050050	BÙI VŨ BÁCH NHA	20/02/2002	CCQ2005B		1	<i>Nha</i>	6,0	4,0	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050051	ĐÌNH VĂN NHÂN	26/06/2002	CCQ2005B		1	<i>Nhan</i>	8,5	3,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050019	CAO THÁI PHI	19/08/2001	CCQ1915C		1	<i>Phi</i>	8,0	3,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000338

Trang : 2/3

Môn học: **Trang bị điện năng cao (228257) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **41**

Số bài thi: **41**

Số tờ giấy thi: **41**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Xuân Chết</i>	<i>Ng. T. Hồng Hoa</i>	<i>Tân Sơn</i>	<i>Ng. Văn Trường</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120150039	BÙI LƯƠNG VĂN PHÚC	24/09/2002	CCQ2015B		1	<i>Phúc</i>	6,5	3,5	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120150052	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	26/06/2001	CCQ2015B		1	<i>Phúc</i>	6,0	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120150044	NGUYỄN DUY QUANG	19/09/1999	CCQ2015B		1	<i>Quang</i>	5,5	2,0	3,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120150045	VÕ MINH QUÂN	03/01/2002	CCQ2015B		1	<i>Quân</i>	6,0	8,0	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120050056	TRẦN BÁ QUỐC	26/09/2002	CCQ2005B		1	<i>Quốc</i>	8,0	3,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2120150024	NGUYỄN NGỌC QUYÊN	11/02/2002	CCQ2015A		1	<i>Quyên</i>	6,0	7,0	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2119050131	TRẦN NGỌC SINH	15/09/2001	CCQ1905D				6,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120150025	NGUYỄN NGỌC SƠN	05/02/2002	CCQ2015A		1	<i>Sơn</i>	8,0	10	9,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120150026	NGUYỄN VĂN TÂN	02/05/2002	CCQ2015A		1	<i>Tân</i>	6,0	4,5	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120150027	NGUYỄN MINH THANH	15/08/2002	CCQ2015A		1	<i>Thanh</i>	6,0	3,0	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2120150053	TRẦN ĐÌNH THÀNH	13/04/2002	CCQ2015B		1	<i>Thành</i>	5,0	3,0	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2120150028	LÊ XUÂN THƯƠNG	29/08/2001	CCQ2015A		1	<i>Thương</i>	6,0	1,0	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120050061	NGUYỄN MINH TI	25/07/2001	CCQ2005B		1	<i>Ti</i>	6,5	2,5	4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2120050062	PHAN TRỌNG TÍNH	22/05/2002	CCQ2005B		1	<i>Tính</i>	6,5	3,5	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2120050063	TÔ VĂN TÍNH	27/06/2002	CCQ2005B		1	<i>Tính</i>	7,5	5,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2120150032	PHẠM HUỖNH ANH TÚ	05/05/2002	CCQ2015A		1	<i>Tú</i>	6,0	4,0	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2120050067	TRẦN MINH TÚ	10/08/2002	CCQ2005B		1	<i>Tú</i>	6,5	7,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2120150054	BÙI MINH TUẤN	01/09/2002	CCQ2015B		1	<i>Tuấn</i>	8,5	9,0	8,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2120110033	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	04/10/2002	CCQ2015B		1	<i>Tuấn</i>	5,5	4,0	4,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2120050069	NGUYỄN CHÍ VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B		1	<i>Viễn</i>	6,0	0,5	2,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000338

Trang : 3/3

Môn học: **Trang bị điện năng cao (228257) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **4/4**

Số bài thi: **4/4**

Số tờ giấy thi: **4/4**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Xuân Cường</i>	<i>Nguyễn Hồng Hà</i>	<i>Trần Đình Cường</i>	<i>Nguyễn Đình Cường</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120150033	HỒ ĐỨC VINH	10/03/2002	CCQ2015A		1	<i>Vinh</i>	6,0	2,5	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2120150034	HUỖNH HOÀNG VINH	10/04/2002	CCQ2015A		1	<i>Vinh</i>	6,0	3,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A		1	<i>Vũ</i>	6,0	3,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9